

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thuận

2. Ông Trần Văn Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXX ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 3/4B, ấp Trường Lộc, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số E14/6, khu phố Hiệp An, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2022, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Chị và anh D sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2002 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Lê Cẩm T, sinh ngày: 21-7-1999 và Lê Cẩm Q, sinh ngày: 27-11-2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Thành D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Anh và chị T sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2002 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân cho đến nay. Chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Cẩm T, sinh ngày: 21-7-1999 và Lê Cẩm Q, sinh ngày: 27-11-2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 14, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh D; về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Cẩm T, sinh ngày: 21-7-1999 và Lê Cẩm Q, sinh ngày: 27-11-2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T, anh D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt anh chị theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh D xác định tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Anh D cũng thống nhất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Do anh chị sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các Điều 14, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ của anh chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Cẩm T, sinh ngày: 21-7-1999 và Lê Cẩm Q, sinh ngày: 27-11-2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T với anh Lê Thành D là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Cẩm T, sinh ngày: 21-7-1999 và Lê Cẩm Q, sinh ngày: 27-11-2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0020846 ngày 30-6-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS. Thị xã Hòa Thành;
- UBND. xã Trường Tây;
- UBND. phường Hiệp Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Thị Bích Hằng

